

CÔNG TY CỔ PHẦN VPPHARMA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VPPHARMA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VPPHARMA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VPPHARMA ,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109992899

3. Ngày thành lập: 11/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 117 Phố Thanh Đàm, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988845005

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này; - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uôn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động Đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động Đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động Đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động Đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động Đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động Đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá); - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
14.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
15.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm khác bao gồm: thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	4632

16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.	4649(Chính)
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
21.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ Hợp báo)	8230
22.	Dịch vụ đóng gói	8292
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
24.	Đào tạo sơ cấp	8531
25.	Đào tạo trung cấp (Chỉ hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
26.	Giáo dục thể thao và giải trí (Chỉ hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8551
27.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (Chỉ hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8552

28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại - Dạy máy tính (Chỉ hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8559
29.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, - Dịch vụ kiểm tra giáo dục, - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. - Hoạt động tư vấn giáo dục.	8560
30.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa thẩm mỹ; - Phòng khám chuyên khoa da liễu; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa da liễu; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền; (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.)	8620
31.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
32.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
33.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cơ sở chăm sóc sức khỏe tại nhà: hướng dẫn, tư vấn và chăm sóc người bệnh ung thư; Cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh trong nước và ra nước ngoài (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8699
34.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Không bao gồm hoạt động báo chí)	9000
35.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
36.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Câu lạc bộ yoga, thể hình, thể dục thẩm mỹ. (trừ hoạt động của các sàn nhảy).	9312

37.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà tổ chức các sự kiện thể thao, có hoặc không có cơ sở; - Hoạt động của các vận động viên và những người chơi thể thao bằng tài khoản sở hữu cá nhân, trọng tài, người bấm giờ v.v...; - Hoạt động của các liên đoàn thể thao và các ban điều lệ; - Hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao; - Hoạt động của các chuồng nuôi ngựa đua, các chuồng nuôi chó và các gara ô tô; - Hoạt động của các khu săn bắt và câu cá thể thao; - Hoạt động hỗ trợ cho câu cá và săn bắn mang tính thể thao hoặc giải trí	9319
38.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
39.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm các hoạt động karaok, vũ trường,...)	9329
40.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
41.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
42.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
43.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
44.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
45.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
46.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
47.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9610
48.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
49.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: - Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; - Cắt, tỉa và cạo râu; - Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm... (Không bao gồm các hoạt động gây chảy máu)	9631
50.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
51.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
52.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
53.	Lập trình máy vi tính	6201
54.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

55.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
56.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
57.	Cổng thông tin (trừ Báo chí)	6312
58.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
59.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn bất động sản - Môi giới bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
60.	Hoạt động của trụ sở văn phòng (không kinh doanh)	7010
61.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán)	7020
62.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình - Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Kiểm định xây dựng - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông, Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Lập hồ sơ mời thầu - Đánh giá hồ sơ dự thầu - Tư vấn đấu thầu	7110
63.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
64.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
66.	Quảng cáo (trừ thuốc lá)	7310
67.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
68.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: -Thiết kế đồ họa, biển quảng cáo -Hoạt động thiết kế, trang trí nội thất -Thiết kế trang web. -Thiết kế mỹ thuật, tạo mẫu, chế bản in, in ấn, các dịch vụ liên quan đến in (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);	7410
69.	Cho thuê xe có động cơ	7710
70.	Bán buôn tổng hợp	4690
71.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.	4719
72.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
73.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh -Bán lẻ thực phẩm khác bao gồm: thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	4722
74.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
75.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
76.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
77.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
78.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
79.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
80.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
81.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
82.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
83.	Sản xuất đường	1072
84.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
85.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
86.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

87.	Sản xuất chè	1076
88.	Sản xuất cà phê	1077
89.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất Thực phẩm chức năng	1079
90.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
91.	Sản xuất rượu vang	1102
92.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
93.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
94.	In ấn	1811
95.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
96.	Sao chép bản ghi các loại	1820
97.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	2011
98.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
99.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất tinh dầu tự nhiên	2029
100.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
101.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
102.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
103.	Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng)	2630
104.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
105.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
106.	Sản xuất đồng hồ	2652
107.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
108.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
109.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
110.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
111.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
112.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
113.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
114.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815

115.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
116.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
117.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
118.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
119.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
120.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
121.	Sản xuất máy luyện kim	2823
122.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
123.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
124.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
125.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
126.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động Đấu giá)	4791
127.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động Đấu giá)	4799
128.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
129.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
130.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
131.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
132.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
133.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
134.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
135.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
136.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
137.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
138.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
139.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
140.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
141.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
142.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
143.	Bốc xếp hàng hóa	5224

144.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
145.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường hàng không; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.	5229
146.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
147.	Cơ sở lưu trú khác	5590
148.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
149.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
150.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
151.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm đồ uống phục vụ trong quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ)	5630
152.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ, kinh doanh karaoke)	7721
153.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
154.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
155.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
156.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm. Đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động (Trừ trung tâm môi giới việc làm)	7810
157.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
158.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
159.	Đại lý du lịch	7911
160.	Điều hành tua du lịch	7912

161.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Không bao gồm hợp báo)	7990
162.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
163.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
164.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
165.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
166.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
167.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
168.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
169.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
170.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
171.	Xây dựng nhà để ở	4101
172.	Xây dựng nhà không để ở	4102
173.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
174.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
175.	Xây dựng công trình điện	4221
176.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
177.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
178.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn.	4229
179.	Xây dựng công trình thủy	4291
180.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
181.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
182.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.	4299
183.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
184.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
185.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
186.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
187.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
188.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

189.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
190.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
191.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
192.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
193.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại nhà nước cấm)	4764
194.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
195.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
196.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các hoạt động bán lẻ tem, súng đạn, tiền kim khí ; kinh doanh vàng miếng)	4773

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TIẾN PHƯƠNG	Thôn Ro, Xã Tuyết Nghĩa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	0010920402 52	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		
2	LẠI VĂN THỨC	Thôn Hợp Thung, Xã Thanh Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	50,000	0380950240 89	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	50,000		

3	VƯƠNG MINH VIỆT	Số 16 ngách 44 ngõ Đỗ Thuận, Đường Đê Tô Hoàng, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	0010910390 23
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LẠI VĂN THỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/10/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038095024089

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hợp Thung, Xã Thanh Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hợp Thung, Xã Thanh Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội